

Số: /TTYT-DTTB

Yên Thế, ngày 13 tháng 12 năm 2024

V/v thư mời báo giá Mua sắm vật
tư y tế, hóa chất xét nghiệm sử
dụng năm 2025

THƯ MỜI THAM GIA BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Yên Thế có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm phục vụ chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Yên Thế, số 20 phố Cả Trọng, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Đ/c Trần Ngọc Đại – Trưởng Khoa Dược – VT, TBYYT

+ Điện thoại: 0915.320.262

+ Email: khoaduocbvvt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: 03 bản dấu đỏ và 01 bản gửi qua thư điện tử.

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* Trung tâm Y tế huyện Yên Thế, số 20 phố Cả Trọng, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- *Nhận qua email:* Hộp thư điện tử Khoa Dược – VT, TBYYT của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế: khoaduocbvvt@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 13 tháng 12 năm 2024 đến trước 17h ngày 23 tháng 12 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục mua sắm

STT	Danh mục	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
I	Hoá chất Dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động, model: MEK-7300, hãng sản xuất: Nihonkonden, nước sản xuất: Nhật			
1	Hóa chất rửa máy	Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0,049%	Lít	12
2	Hóa chất rửa máy đậm đặc	Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàngxanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium hypochlorite 1,3%	Lít	7
II	Hoá chất Dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động, model: ABX Micros ES60, nước sản xuất: Pháp			
3	Dung dịch đếm tế bào cho máy xét nghiệm huyết học	Là dung dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để đếm các tế bào máu và đo hematocrit. Thành phần: Natri azit < 0,1%, Dung dịch đệm hữu cơ < 5% , Chất bảo quản < 0,1%	Lít	130
4	Dung dịch ly giải hồng cầu.	Là dung dịch ly giải để sử dụng trong chẩn đoán in vitro. Thành phần: Chất ly giải <0,1%, Chất tẩy rửa: < 5%	Lít	9
5	Hóa chất rửa máy xét nghiệm huyết học	Là dung dịch enzym để sử dụng trong chẩn đoán in vitro với tác dụng thủy phân protein để làm sạch các máy đếm tế bào máuThành phần: Natri azit < 0,1%, Dung dịch đệm hữu cơ < 5%, Enzym thủy phân protein < 1%, Chất bảo quản < 1%	Lít	12
III	Hoá chất Dùng cho Máy xét nghiệm đông máu tự động, model: Compact-X, nước sản xuất: Đức			
6	Hóa chất xét nghiệm chỉ số APTT	Thành phần Gồm: CePhalin (mô não thô) và Kaolin, - Chạy kiểm chứng trên 1 dòng máy cho kết quả như sau: + Trong 1 lần chạy: Giá trị 34 giây ở dải bình thường, và 62 giây ở dải bệnh lý. Độ lệch chuẩn (S.D) 0.32 giây ở dải bình thường, 0.46 giây ở dải bệnh lý. Hệ số biến thiên (C.V) 0.9% ở dải bình thường, 0.7% ở dải bệnh lý.	ml	288

7	Hóa chất nền dùng cho xét nghiệm APTT	Thành phần gồm: Calcium Chloride 0.025M	ml	240
8	Hóa chất xét nghiệm chỉ số Prothrombin Time (PT)	Thành phần gồm: R1: Thromboplastin - dạng đông khô (mô não thô) và R2: dung dịch đệm (HEPES buffer, stabilizer - Chạy kiểm chứng trên 1 dòng máy cho kết quả như sau: + Trong 1 lần chạy: Giá trị 89% ở dải bệnh lý thấp, 36% ở dải bình thường, và 22% ở dải bệnh lý cao. Độ lệch chuẩn (S.D %) 1.3 ở dải bệnh lý thấp, 0.57 ở dải bình thường, 0.4 ở dải bệnh lý cao. Hệ số biến thiên (C.V %) 1.46 ở dải bệnh lý thấp, 1.57 ở dải bình thường, 1.85 ở dải bệnh lý cao.	ml	384
9	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm PT	Thành phần gồm R1 TP-CAL1 ; R2 TP-CAL2 ; R3 TP-CAL3:Đông khô, citrated plasmas, Hóa chất được hoàn nguyên bằng cách pha nước cất với lượng vừa đủ ghi trên nhãn của lọ hóa chất.	ml	6
10	Hóa chất xét nghiệm chỉ số Fibrinogen	Thành phần gồm: R1: dạng đông.Gồm:Canxi Thrombin từ nguồn gốc động vật + Kaoli R2: Dung dịch đệm. Gồm: HEPES 0.02 M, pH 7.35 + Thuốc chống đông máu (citrate) + Thuốc ức chế heparin - Chạy kiểm chứng trên 1 dòng máy cho kết quả như sau: + Trong 1 lần chạy: Giá trị 133 mg/dL ở dải bình thường, và 292 mg/dL ở dải bệnh lý. Độ lệch chuẩn (S.D mg/dL) 4.4 ở dải bình thường, 6.3 ở dải bệnh lý. Hệ số biến thiên (C.V %) 3.3 ở dải bình thường, 2.1 ở dải bệnh lý	ml	192
11	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Fibrinogen	Thành phần gồm R1: Huyết tương đã được đông khô	ml	6
12	Hóa chất xét nghiệm chỉ số Thrombin Time (TT)	Thành phần gồm: Hóa chất đông khô .Calcic thrombin . Khoảng 1.5 NIH / mL sau khi hoàn nguyên - Chạy kiểm chứng trên 1 dòng máy cho kết quả như sau: + Trong 1 lần chạy: Giá trị 16.7 giây ở dải bình thường, và 28.9 giây ở dải bệnh lý. Độ lệch chuẩn (S.D) 0.21 giây ở dải bình thường, 1.24 giây ở dải bệnh lý. Hệ số biến thiên (C.V) 1.3% ở dải bình thường, 4.3% ở dải bệnh lý.	ml	360
13	Hóa chất nội kiểm mức 1 (mức bình thường)	Thành phần: Hóa chất đông khô, citrated plasmas	ml	18
14	Dung dịch rửa máy đông máu	Hóa chất rửa máy	ml	6000
15	Cuvettes cho máy đông máu	Chất liệu nhựa	cuvette	4640

IV	Hoá chất Dùng cho Máy xét nghiệm sinh hóa tự động, model: BA 400 , hãng sản xuất: Biosystems, nước sản xuất: Tây Ban Nha và model: AU480, hãng sản xuất: Beckman Coulter Mishima K.K, nước sản xuất: Nhật Bản,			
16	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp: Cholesterol oxidase/peroxidase; Dải đo: 4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L). Thành phần thuốc thử: Đệm Pipes 35 mmol/L, natri cholat 0,5 mmol/L, phenol 28 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase > 0,1 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,0.	ml	12,600
17	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng HDL cholesterol trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo quang. Thành phần thuốc thử A: đệm MES, polyme, 4-aminoantipyrin, chất tẩy rửa, pH 6,5. Thuốc thử B: đệm MES, cholesterol esterase, peroxidase, cholesterol oxidase, N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS), chất tẩy rửa, pH 5,5.	ml	6,400
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL cholesterol	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng LDL cholesterol trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo quang. Thành phần thuốc thử A: đệm MES, cholesterol esterase, cholesterol oxidase, 4-aminoantipyrin, peroxidase, chất tẩy rửa, chất bảo quản, pH 6,6. Thuốc thử B: đệm MES, N-ethyl-N-(2hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS), chất tẩy rửa, chất bảo quản, pH 6,6.	ml	6,720
19	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB. Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người với nồng độ CK-MB và CK thích hợp	ml	5
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Phương pháp: Jaffé Compensated; Dải đo: 0.04-20 mg/dL. Thành phần thuốc thử A: Natri hydroxid 0,4 mol/L, chất tẩy rửa. Thuốc thử B: Acid picric 25 mmol/L.	ml	13,200
21	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy người. Phương pháp: Glucose oxidase/peroxidase; Dải đo: 3.6 - 500 mg/dL (0.199 -27.5 mmol/L). Thành phần thuốc thử chứa: Phosphat 100 mmol/L, phenol 5 mmol/L, glucose oxidase > 10 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,4 mmol/L, pH 7,5.	ml	10,800

22	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase; Dải đo: 0.067 - 6.78 mmol/L. Thành phần thuốc thử chứa: đệm Pipes 45 mmol/L, magnesi acetat 5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7,0.	ml	9,600
23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: Alcohol Dehydrogenase. Thành phần thuốc thử A: Đệm Pipes 100 mmol/L, chất bảo quản, pH 7,9. Thuốc thử B: Đệm Pipes 50 mmol/L, NAD 15 mmol/L, alcohol dehydrogenase (ADH) > 18 KU/L, chất bảo quản, pH 6,2.	ml	1,728
24	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1C-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct mẫu máu người. Dải đo: 6 - 140 mmol/mol, phương pháp đo: Direct. Thành phần thuốc thử A: Hỗn dịch hạt latex, natri azid 0,95 g/L, pH 8,0. Thuốc thử B: Kháng thể kháng HbA1C người, chất ổn định, pH 6,0.	ml	1,300
25	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bình thường	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bình thường. Dạng bột đông khô, thành phần: máu ly giải hồng cầu từ người	ml	1.0
26	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bệnh lý	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bệnh lý. Dạng bột đông khô, thành phần: máu ly giải hồng cầu từ người.	ml	1.0
27	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người. Dải đo: 1 - 150 mg/L, phương pháp đo: Latex. Thành phần thuốc thử A: Đệm Glycin 0,1 mol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,6. Thuốc thử B: Hỗn dịch chứa các hạt Latex được phủ kháng thể kháng CRP người, natri azid 0,95 g/L	ml	1,500
28	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP/CRP-hs	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP/CRP-hs. Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.	ml	2
29	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.	ml	6
30	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.	ml	6

31	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp: Dichlorophenyl Diazonium; Dải đo: 0.211 - 38 mg/dL (3.61 - 650 μ mol/L). Thành phần thuốc thử A: Hydrochloric acid 170 mmol/L, cetrimid 40 mmol/L, pH 0,9. Thuốc thử B: 3,5-dichlorophenyl diazonium 1,5 mmol/L.	ml	600
32	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp: Dichlorophenyl Diazonium; Dải đo: 0.09 - 15 mg/dL. Thành phần thuốc thử A: Phosphoric acid 90 mmol/L; HEDTA 4,5 mmol/L; natri clorid 50 mmol/L; pH 1,5. Thuốc thử B: 3,5-dichlorophenyl diazonium 1,5 mmol/L.	ml	300
33	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea-BUN UV mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Phương pháp: Urease / Glutamate dehydrogenase; Dải đo: 3.69 - 300 mg/dL. Thành phần A: đệm Tris 100 mmol/L; 2-oxoglutarat 5,6 mmol/L; urease > 140 U/mL; glutamat dehydrogenase > 140 U/mL; ethylenglycol 220 g/L; pH 8,0. Thuốc thử B: NADH 1,5 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	ml	2,400
34	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Albumin mẫu huyết thanh, huyết tương người. Dải đo: 1.1 - 70 g/L, phương pháp đo: Bromocresol green. Thành phần thuốc thử: Đệm Acetat 100 mmol/L, xanh bromocresol 0,27 mmol/L, chất tẩy rửa, pH 4,1.S. Albumin Standard (Chất chuẩn). Albumin bò.	ml	3,570
35	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 1	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	ml	100
36	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người mức 2	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	ml	75
37	Chất chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy có nguồn gốc từ huyết thanh người	Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người	ml	75

38	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	ml	30
39	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	ml	30
40	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	ml	20
41	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp: Biuret; Dải đo: 0.8-150 g/L. Thành phần thuốc thử A: natri hydroxid 0,4 mol/L, natri tartrat 90 mmol/L. Thuốc thử B: natri hydroxid 0,4 mol/L, natri tartrat 90 mmol/L, đồng (II) acetat 21 mmol/L, kali iodid 60 mmol/L.	ml	2,400
42	Hóa chất dùng cho xét nghiệm γ -Glutamyltransferase (γ -GT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng γ -Glutamyltransferase (γ -GT) mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Phương pháp đo quang, IFCC. Dải đo: 3.07 - 600 U/L. Thành phần thuốc thử A: Glycylglycin 206,25 mmol/L, natri hydroxid 130 mmol/L, pH 7,9. Thuốc thử B: γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilid 32,5 mmol/L.	ml	1,200
43	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Uric Acid mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Phương pháp: Uricase / peroxidase; Dải đo: 18.5 - 1487 μ mol/L. Thành phần thuốc thử: Phosphat 100 mmol/L, chất tẩy rửa 1,5 g/L, diclorophenolsulfonat 4 mmol/L, uricase > 0,12 U/mL, ascorbat oxidase > 5 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,8.	ml	1,200
44	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase (AST/GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase (AST/GOT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo quang, IFCC. Dải đo: 7.15 - 500 U/L. Thành phần thuốc thử A: Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8. Thuốc thử B: NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L	ml	7,200

45	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT/GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase (ALT/GPT) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người..Phương pháp đo quang, IFCC. Dải đo:8.5 - 500 U/L. Thành phần thuốc thử A: Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3. Thuốc thử B: NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	ml	6,600
46	Hóa chất dùng cho xét nghiệm a-Amylase Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng a-Amylase Direct mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người. Phương pháp: Direct substrate; Dải đo:4.5 - 1300 U/L. Thành phần thuốc thử: đệm MES 50 mmol/L, canxi clorid 5 mmol/L, natri clorid 300 mmol/L, natri thiocyanat 450 mmol/L, CNP-G3 2,25 mmol/L, pH 6,1.	ml	160
47	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatin Kinase (CK)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatin Kinase (CK) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo quang, IFCC. Dải đo:1.92 - 1300 U/L. Thành phần thuốc thử A: Imidazol 125 mmol/L, EDTA 2 mmol/L, magie acetat 12,5 mmol/L, D-glucose 25 mmol/L, N-acetyl cystein 25 mmol/L, hexokinase 6000 U/L, NADP 2,4 mmol/L, pH 6,7. Thuốc thử B: Creatine phosphat 250 mmol/L, ADP 15 mmol/L, AMP 25 mmol/L, P1, P5-di(adenosine-5'-)pentaphosphat, 102 µmol/L, glucose-6-phosphat dehydrogenase 8000 U/L	ml	1,950
48	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatin Kinase-MB (CK-MB)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatin Kinase-MB (CK-MB) mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người..Phương pháp đo quang. Dải đo:7.88 - 1000 U/L. Thành phần thuốc thử A: Kháng thể kháng CK-M người có khả năng ức chế 2000 U/L CK-M; Imidazol 125 mmol/L; EDTA 2 mmol/L; magie acetat 12,5 mmol/L; D-glucose 25 mmol/L; N-acetyl cystein 25 mmol/L; hexokinase 6800 U/L; NADP 2,4 mmol/L; pH 6,1. Thuốc thử B: Creatine phosphate 250 mmol/L; ADP 15,2 mmol/L; AMP 25 mmol/L; P1,P5-di(adenosine-5'-) pentaphosphate 103 µmol/L; glucose-6-phosphate dehydrogenase 8800 U/L.	ml	1,950
49	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Baypur; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%.	ml	40,000
50	Bộ phận phản ứng	Vật liệu: Nhựa methacrylate	Chiếc	60
51	Giếng đựng mẫu	Vật liệu: Nhựa methacrylate	Cái	4,000

V	Vật tư, hoá chất Dùng cho Máy xét nghiệm huyết học laser chuyên mẫu tự động 5 thành phần 29 thông số, model: OX -580, hãng sản xuất: BALIO Diagnostics – GMT SARL, nước sản xuất: Pháp			
52	Dung dịch pha loãng máu toàn phần xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch có độ dẫn và cường độ ion nhất định, có thể làm loãng máu và tạo thành dòng chảy trong vỏ bọc, cung cấp một môi trường ổn định cho đếm tế bào máu. - Thành phần: Natri clorua, Natri Sunfat, Chất đệm; Kháng nấm và kháng khuẩn tổng hợp. - Kết quả nên: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$, $RBC \leq 0,02 \times 10^{12} / L$, $HGB \leq 1g / L$, $PLT \leq 10 \times 10^9 / L$ 	Lít	600
53	Chất phá vỡ xác định Hemoglobin xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Được sử dụng để phá vỡ màng tế bào hồng cầu và chuyển đổi hemoglobin thành một phức hợp hemoglobin để xác định HGB. Nó phân biệt 2 thành phần WBCs BASO và các loại bạch cầu khác và xác định số lượng bạch cầu. Thuốc thử ly giải các tế bào hồng cầu (RBC) và phản ứng với hemoglobin (HGB) để đo HGB, số lượng bạch cầu (WBC) và Basophils (BAS). - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn. - Kết quả: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$, $HGB \leq 1g / L$. 	ml	6500
54	Chất phá vỡ tế bào xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Được sử dụng để phá vỡ tế bào hồng cầu và hợp tác với Chất phá vỡ tế bào hồng cầu để xác định 4-DIFF bạch cầu. Thuốc thử được sử dụng với Chất phá vỡ tế bào hồng cầu để hòa tan RBC để thay đổi hình thái của WBC và để kiểm tra kết quả phân loại WBC. - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn. - Kết quả: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$. 	ml	6500
55	Chất phá vỡ tế bào hồng cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Được sử dụng để phá vỡ tế bào hồng cầu và hợp tác với Chất phá vỡ tế bào xét nghiệm huyết học để xác định 4-DIFF bạch cầu. Thuốc thử được sử dụng với Chất phá vỡ tế bào xét nghiệm huyết học để hòa tan RBC để thay đổi hình thái của WBC và để kiểm tra kết quả phân loại WBC - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt; Chất đệm; Chất kháng nấm và kháng khuẩn. 	Lít	20
56	Chất rửa hệ thống máy xét nghiệm huyết học	<ul style="list-style-type: none"> - Được sử dụng trên máy phân tích huyết học để làm sạch và rửa thường xuyên kim hút và hệ thống ống trong máy. - Thành phần: Natri clorua, Natri Sunfat, Chất đệm; Kháng nấm và kháng khuẩn tổng hợp. - Kết quả nên: $WBC \leq 0,2 \times 10^9 / L$, $RBC \leq 0,02 \times 10^{12} / L$, $HGB \leq 1g / L$, $PLT \leq 10 \times 10^9 / L$. 	ml	150
57	Chất nội kiểm chất lượng mức trung bình xét nghiệm huyết học	Dùng kiểm soát huyết học được thử nghiệm ở mức bình thường	ml	6

58	Chất nội kiểm chất lượng mức cao xét nghiệm huyết học	Dùng kiểm soát huyết học được thử nghiệm ở mức cao	ml	6
59	Chất nội kiểm chất lượng mức thấp xét nghiệm huyết học	Dùng kiểm soát huyết học được thử nghiệm ở mức thấp	ml	6
60	Ống nghiệm chân không kháng đông EDTA K2	Dùng để lấy máu toàn phần trong xét nghiệm Huyết học; + Kích thước ống nghiệm: 13 x 75 (mm) hoặc 12 x 75 (mm) + Thể tích: 1ml, 2ml, 3ml, 4ml + Hoá chất chống đông bên trong ống: EDTA K2 phun sương thành ống và tách nước 80% + Chất liệu: nhựa	Ống	25000
VI	Vật tư, hóa chất dùng cho máy xét nghiệm điện giải tự động, model: AS 950, Hãng sản xuất: ASSEL s.r.l, Nước sản xuất: Ý			
61	Hóa chất điện giải đồ 300 Test	Để đo các thông số nồng độ ion tự do trong máu Na/K/Cl/Li theo phương pháp điện cực chọn lọc ion. Thành phần: STD A: K+: 1,1%, Na+: 57,0%, Cl-: 40,5%, Ca ²⁺ : 0,5%, Li+: 0,4%, Mg ²⁺ : 0,5%. STD B: K+: 4,0%, Na+: 57,5%, Cl-: 36,5%, Ca ²⁺ : 1,3%, Li+: 0,3%, Mg ²⁺ : 0,4%.	test	12000
62	Hóa chất nội kiểm chất lượng xét nghiệm điện giải đồ	Nhằm quản lý chất lượng 3 mức để theo dõi và phát hiện hiệu suất các máy phân tích điện giải. Thành phần: kali clorua, natri clorua, natri hydroxit, natri axetat, canxi axetat monohydrat, hai hydrat liti axetat, MOPS	ml	150
63	Chất rửa khử Protein hệ thống xét nghiệm điện giải đồ	Sử dụng để làm sạch và bảo trì các ống phân tích điện giải và điện cực.. Thành phần: NaClO~ 1,0% Cl ₂	ml	150
64	Chất rửa thường quy hệ thống xét nghiệm điện giải đồ	Dùng để làm sạch các ống phân tích điện phân. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion với phần khối lượng 0,1%, ion đậm đặc cao, chất đệm.	ml	750
65	Dung dịch điện cực điện giải	Được sử dụng để kích hoạt các điện cực mới. Thành phần: chất hoạt động bề mặt ion, không ion.	ml	150
66	Chất làm đầy các điện cực thành phần	Được sử dụng để làm đầy các điện cực thành phần Thành phần: KCl 0,04%, NaCl 0,6%, CaCl ₂ 0,033%, Chất điều chỉnh độ pH, chất bảo quản.	ml	20
67	Chất làm đầy điện cực tham chiếu	Được sử dụng để làm đầy điện cực tham chiếu Thành phần: Dung dịch KCl bão hòa và Chất bảo quản.	ml	20

68	Điện cực K	Điện cực phân tích K ⁺ Dùng cho máy phân tích điện giải	Cái	1
69	Điện cực Na	Điện cực phân tích Na ⁺ Dùng cho máy phân tích điện giải	Cái	1
70	Điện cực CL	Điện cực phân tích Cl ⁻ Dùng cho máy phân tích điện giải	Cái	1
71	Điện cực Ca	Điện cực phân tích Ca ²⁺ Dùng cho máy phân tích điện giải	Cái	1
72	Điện cực PH	Điện cực phân tích pH Dùng cho máy phân tích điện giải	Cái	1
73	Điện cực Li	Điện cực phân tích Li ⁺ sử dụng cho máy phân tích điện giải	Cái	1
74	Điện cực tham chiếu	Điện cực tham chiếu sử dụng cho máy phân tích điện giải	Cái	1
75	Dây bơm cho máy xét nghiệm điện giải	Vật tư dùng cho máy phân tích điện giải	Cái	1
VI	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm HbA1c tự động sắc ký lỏng cao áp (HPLC), model: MQ-3000PT, Hãng sản xuất: Shanghai Medconn Medical Technology Co.,Ltd, Nước sản xuất: Trung Quốc			
76	Bộ hóa chất xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng cao áp	Bộ Kit bao gồm: 01 Cột sắc ký lỏng HbA1c (HPLC) 01 Chất đệm HbA1c (A); (2x1800ml) 01 Chất đệm HbA1c (B); (1x1400ml) 01 Chất ly giải Haemolyser ; (4x1800ml) 01 Ống pha loãng mẫu ; 100 Lọ /Túi 02 Tấm lọc 06 Giấy in cho máy in nhiệt Thành phần hoạt tính: HbA1c A: (pH5 ~ 6) Natri xitrat dihydrat, axit xitric monohydrat, Isothiazolinone, Natri azit, Nước. HbA1c B: (pH6 ~ 7): Natri xitrat dihydrat, axit xitric monohydrat, Isothiazolinone, Natri azit, Nước. HbA1c Haemolyser: (pH6 ~ 8): Disodium hydro orthophosphate, Natri dihydrogen orthophosphat, Chất hoạt động bề mặt, Natri azit, Nước.	test	12000
77	Hóa chất dùng chuẩn HbA1c - 2 mức	Dùng để xác định hiệu chuẩn HbA1C bằng phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC) Thành phần hoạt tính: Máu toàn phần người & chất bảo quản. Có nồng độ HbA1C: 4%-6% , và 8%-13%	bộ	2
78	Hóa chất dùng kiểm chuẩn HbA1c - 2 mức	Dùng để kiểm tra độ chính xác thông số HbA1C bằng phương pháp sắc ký lỏng cao áp (HPLC) Thành phần hoạt tính: Máu toàn phần người & chất bảo quản. Có nồng độ HbA1C: 4%-7% (Control 1) , và 8%-13% (Control 2)	ml	12

Tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hoá đề nghị mua sắm mà đơn vị đưa ra là tối thiểu. Các nhà thầu có thể chào hàng hoá có Tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn để phục vụ tốt công tác chuyên môn khám chữa bệnh tại đơn vị.

2. Địa điểm cung cấp: Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản thiết bị y tế: Cung cấp hàng hóa, hướng dẫn sử dụng và bảo quản tại Trung tâm y tế huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 365 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Trung tâm sẽ thanh toán nhiều lần theo giá trị từng lần giao hàng sau khi hàng hóa được vận chuyển, nghiệm thu, bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Yên Thế; Hoá đơn giá trị gia tăng (VAT), bên bán cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Các thông tin khác

- Báo giá có đầy đủ nội dung, mẫu biểu theo mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.

- Nếu là báo giá trực tiếp của hãng sản xuất hàng hóa, nhà phân phối, cung cấp độc quyền tại Việt Nam đề nghị gửi kèm tài liệu chứng minh và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tài liệu đã cung cấp.

- Bản báo giá/ biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu, đồng thời gửi kèm theo Đăng ký kinh doanh của đơn vị báo giá. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC, kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Đề nghị các đơn vị quan tâm gửi báo giá trong thời gian tối đa 10 ngày kể từ ngày thông báo chào giá được đăng tải công khai trên Cổng thông tin của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Doanh Phương

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN THẾ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho vật tư y tế, hóa chất hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các loại hóa chất, vật tư và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng, nước sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Hàng hóa 1									
2	Hàng hóa 2									
3									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.